

BẢNG THỰC ĐƠN TUẦN CỦA HỌC SINH DỰ ÁN NUÔI EM (TỔNG 143 EM)

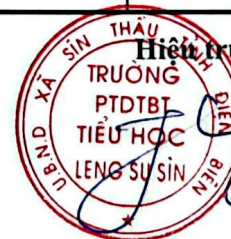
Từ 20/01 đến 30/01/2026 (Tổng 08 ngày ăn)

Thứ	Tên thực phẩm	ĐVT	Tổng Số lượng thực phẩm các bữa				Tổng số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tổng số tiền trong ngày	Ghi chú
			Á Di (21HS)	Phứ Ma (7HS)	Cà Là Pá 1 (25HS)	Cà Là Pá (90HS)					
2	Thịt lợn mông, vai ,ba chỉ	Kg	0,7	0,2	1	3	4,9	149.000	730.100	1.144.000	
	Đậu phụ	Kg	1,8	0,7	1,7	7,5	11,7	28.000	327.600		
	Rau bắp cải	Kg	0,6	0,4	0,6	2,715	4,315	20.000	86.300		
3	Trứng vịt nhỏ	Quả	35	11	42	154	242	4.300	1.040.600	1.144.000	
	Rau bắp cải	Kg	0,9	0,6	1	2,67	5,17	20.000	103.400		
4	Thịt lợn mông, vai	Kg	0,7	0,2	1	3	4,9	149.000	730.100	1.144.000	
	Đậu phụ	Kg	1,8	0,7	1,7	7,5	11,7	28.000	327.600		
	Rau bắp cải	Kg	0,6	0,4	0,6	2,715	4,315	20.000	86.300		
5	Trứng vịt nhỏ	Quả	35	11	42	154	242	4.300	1.040.600	1.144.000	
	Rau bắp cải	Kg	0,9	0,6	1	2,67	5,17	20.000	103.400		
Gia vị của tháng	Muối sạch	Kg	0,5	0,3	1	2,54	4,34	12.000	52.000	1.215.500	Nhập đầu tháng
	Mì chính Mezam	Kg	0,3	0,2	0,5	2	3	70.000	210.000		
	Dầu ăn cải lân	Lít	1,5	0,5	1,5	5	8,5	63.000	535.500		
	Nước rửa bát Sunnigh 450g	Chai	3	1	4	14	22	19.000	418.000		

Người lập



Nguyễn Thị Hạnh



Nguyễn Thị Minh Hồng